**TUẦN 20**: **CHỦ ĐỀ 3: PHÂN SỐ**

**Bài 56: LUYỆN TẬP (T96)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Ôn tập về phân số; đọc, viết phân số; phân số và phép chia số tự nhiên (phân số như là thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0)

- Vận dụng được các dạng toán đã học về phân số vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được các bài tập trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Đọc và nêu tử số, mẫu số các phân số sau: $\frac{3}{4} , \frac{7}{8} , \frac{9}{12} $+ Câu 2: Viết các phân số sau: năm phần mười, tám phần năm.+ Câu 3: Thương của phép chia 5 : 8 = ?+ Câu 4: Điền phân số vào dấu chấm trong dãy sau: $\frac{8}{12} , …, …, \frac{11}{12} , …, \frac{13}{12}$- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- Trả lời:Ba phần tư: 3 là tử số, 4 là mẫu số.Bảy phần tám: 7 là tử số, 8 là mẫu sốChín phần mười hai: 9 là tử số, 12 là mẫu số.+ $\frac{5}{10} , \frac{8}{5}$+ $\frac{5}{8}$+ $\frac{9}{12} , \frac{10}{12}$ , $\frac{12}{12}$- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: + Ôn tập về phân số; đọc, viết phân số; phân số và phép chia số tự nhiên (phân số như là thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0)**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Trò chơi “Vòng quay kì diệu”**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.- Mời cả lớp tham gia trò chơi: chia lớp thành 4 đội để cùng nhau trao đổi và thực hiện các nội dung:+ GV chuẩn bị 1 bàn quay số và các thẻ ghi số tự nhiên từ 1 đến 8, có 1 thẻ ghi “mất lượt”.+ Ở mỗi lượt chơi, các nhóm cử đại diện 1 HS lên thực hiện trò chơi: khi quay, vòng số dừng lại ở ô số nào thì GV chiếu hình ảnh có trong ô đó, HS quan sát hình vẽ và nêu phân số chỉ số phần đã tô màu trong hình. Nếu quay trúng ô mất lượt thì nhường quyền chơi cho nhóm kế tiếp.- GV kiểm tra, đánh giá kết quả trò chơi. Tuyên dương các nhóm. | - 1 HS đọc yêu cầu.- Cả lớp tham gia chơi trò chơi.+ Các nhóm nghe luật chơi và tiến hành chơi.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **Bài 2: Làm việc theo nhóm 4**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- GV hướng dẫn cách làm, chia nhóm, HS thảo luận và làm bài: mỗi nhóm làm 2 phép tính của mỗi câu.- GV gọi đại diện các nhóm trình bày bài làm, nhóm khác nhận xét- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2- HS thảo luận và làm việc theo nhóm 4.- Các nhóm trình bày, nhận xét bài làm của bạn.- HS lắng nghe. |
| **Bài 3: Làm việc cá nhân vào vở.****-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.*Câu a:*- GV yêu cầu HS xem bài mẫu - GV gợi ý cách làm:+ Xét phân số $\frac{5}{7}$ , ta thấy phân số có tử số là 5, mẫu số là 7.+ Khi viết phép chia, tử số là số bị chia, mẫu số là số chia, ta được phép chia 5 : 7 - GV mời HS làm bài cá nhân vào vở.*Câu b:*- GV hướng dẫn HS cách làm: phân số có tử số bằng mẫu số, đó chính là phân số bằng 1.- GV mời HS nêu kết quả.- GV mời một số HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- Cả lớp làm việc cá nhân các bài tập theo yêu cầu: - HS lắng nghe.- HS làm bài vào vở.- HS lắng nghe và làm bài.- HS nêu kết quả.- Một số HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **Bài 4: Làm việc theo nhóm đôi.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.- GV hướng dẫn HS cách đọc số đo đại lượng viết dưới dạng phân số: khi đọc ta đọc phần phân số trước, sau đó mới đọc đại lượng tương ứng.+ Ví dụ: Đọc: một phần hai mét.- GV cho HS làm việc theo nhóm đôi với các phân số còn lại.- GV gọi đại diện các nhóm trình bày.- GV mời một số HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 4.- HS lắng nghe.- HS làm việc theo nhóm đôi.- Đại diện các nhóm trình bày.- GV mời một số HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau: Chị Hoa có 1 hộp nho khô, chị chia đều nho vào 4 túi thì mỗi túi chiếm bao nhiêu phần nho khô?- Gọi HS trả lời.- Nhận xét, tuyên dương- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đọc tình huống của GV nêu.- HS trả lời- HS lắng nghe. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 20**: **CHỦ ĐỀ 3: PHÂN SỐ**

**Bài 57: PHÂN SỐ BẰNG NHAU (T97)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết sự bằng nhau của hai phân số (thông qua hình ảnh trực quan).

- Vận dụng được các dạng toán đã học về phân số bằng nhau vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được các bài tập trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Viết các số tự nhiên sau dưới dạng phân số: 6; 8; 18; 63+ Câu 2: Mỗi số tự nhiên đều được viết dưới dạng phân số có tử số và mẫu số như thế nào?+ Câu 3: Nêu các phân số bằng 1.+ Câu 4: Viết thương của mỗi phép chia sau dưới dạng phân số: 6 : 3; 8 : 4; 12 : 6; 18 : 9- GV nhận xét, tuyên dương.+ Dựa vào kết quả của câu 4 các em hãy cho biết thương của các phép tính với các phân số chúng ta vừa tìm được?- GV dẫn dắt vào bài mới: Ta thấy thương của các phép chia ở bài 4 bằng nhau và bằng 2. Vậy dựa vào mối liên hệ của phân số và phép chia số tự nhiên đã được tìm hiểu ở bài trước, các phân số vừa tìm được ở bài số 4 có bằng nhau hay không? Chúng ta cùng tìm hiểu ở bài học hôm nay.  | - HS tham gia trò chơi- Trả lời: Mỗi số tự nhiên đều viết được dưới dạng phân số với tử số là số tự nhiên đó và mẫu số là 1.- HS trả lời: $\frac{3}{3} , \frac{8}{8} , \frac{12}{12} , … $ - HS lắng nghe.- Thương của các phép tính trên đều bằng 2 và bằng nhau.- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:****-** Mục tiêu: + Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số bằng nhau thông qua các hình ảnh trực quan.**-** Cách tiến hành: |
| **\* Hoạt động 1: Làm việc nhóm đôi.**- GV cho HS hoạt động theo nhóm đôi và quan sát nội dung trong sách giáo khoa thực hiện các yêu cầu sau:- Chuẩn bị 3 băng giấy:+ Tô màu 1 phần của băng giấy thứ nhất.+ Tô màu 2 phần của băng giấy thứ hai.+ Tô màu 4 phần của băng giấy thứ ba.- Cho HS nhận xét về phần đã tô màu của các băng giấy.- GV gọi HS nhận xét về các phân số vừa tìm được ở trên.- GV giới thiệu: Các phân số và có tử số và mẫu số khác nhau nhưng có giá trị bằng nhau. Ta gọi các phân số đó là các phân số bằng nhau. Viết là: - Phân số bằng nhau là gì?- GV nhận xét và chốt kiến thức. | - HS thực hiện theo yêu cầu.- HS thực hiện và ghi phân số của băng giấy đã tô màu: - Phần tô màu của các băng giấy đều bằng nhau.- Các phân số là các phân số bằng nhau.- 2 HS nhắc lại.- Các phân số có tử số và mẫu số khác nhau nhưng có giá trị bằng nhau. Ta gọi các phân số đó là các phân số bằng nhau.- HS lắng nghe. |
| **3. Thực hành, luyện tập****-** Mục tiêu: + Biết cách tạo phân số bằng nhau dựa vào các hình ảnh thực tế.+ Ghi được các phân số dự trên các hình ảnh đã cho.**-** Cách tiến hành: |
| **\* Hoạt động 2:** **Bài 1a: Làm việc cá nhân**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1a.- Cho HS quan sát hình vẽ trong sách giáo khoa và nêu các phân số tương ứng rồi nhận xét.- GV gọi 3 HS nêu phân số rồi nhận xét các phân số đó.- Trong các cặp phân số trên, em có nhận xét gì về tử và mẫu của phân số thứ nhất so với tử và mẫu của phân số thứ hai.- GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1a.- HS thực hiện theo yêu cầu.- 3 HS nêu: = - Trong mỗi cặp phân số trên thì tử số của phân số thứ hai đều bằng tử số và mẫu số của phân số thứ nhất nhân 2.- HS lắng nghe. |
| **Bài 1b: Làm việc nhóm đôi**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1b.- GV hướng dẫn cách làm, chia nhóm, HS thảo luận và làm bài: HS ghi các phân số tương ứng vào phiếu bài tập rồi nhận xét.- GV gọi đại diện các nhóm trình bày bài làm, nhóm khác nhận xét.- GV thu phiếu bài tập chốt đáp án đúng.- GV nhận xét, tuyên dương.- Trong các cặp phân số trên, em có nhận xét gì về tử và mẫu của phân số thứ nhất so với tử và mẫu của phân số thứ hai.- GV nhận xét. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1b.- HS thảo luận và làm việc theo nhóm.- Các nhóm trình bày, nhận xét bài làm của bạn- HS lắng nghe.- Trong cặp phân số thì tử số và mẫu số của phân số thứ hai bằng tử số và mẫu số của phân số thứ nhất chia cho 2. Còn cặp phân số thì chia cho 3.- HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau: Hai bạn thi bơi với nhau, bạn Đức bơi được quãng đường, bạn Bình bơi được quãng đường. Hỏi ai bơi được quãng đường nhiều hơn?- GV hướng dẫn cách làm, chia nhóm, HS thảo luận và làm bài: HS ghi các phân số tương ứng vào bảng nhóm rồi nhận xét.- GV gọi đại diện các nhóm trình bày bài làm, nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS thảo luận và làm việc theo nhóm.- Các nhóm trình bày, nhận xét bài làm của bạn.+ Đức bơi được quãng đường.+ Bình bơi được quãng đường.+ = . Vậy hai bạn bơi được quãng đường như nhau.- Đại diện các nhóm trình bày - HS lắng nghe. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**.................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**TUẦN 20**: **CHỦ ĐỀ 3: PHÂN SỐ**

**Bài 57: PHÂN SỐ BẰNG NHAU (T98)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết sự bằng nhau của hai phân số (thông qua hình ảnh trực quan).

- Vận dụng được các dạng toán đã học về phân số bằng nhau vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được các bài tập trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Cặp phân số nào tương ứng với phần đã tô màu?+ Câu 2: Số thích hợp để điền vào chỗ trống là: $\frac{2}{4}= \frac{?}{8}$+ Câu 3: Nêu năm phân số có mẫu số gấp đôi tử số.+ Câu 4: Hà chạy được $\frac{1}{4} km, $Minh chạy được $\frac{2}{8}km, $Nhi chạy được $\frac{3}{12}km$. Hỏi ai chạy được dài nhất?- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi.+ $\frac{3}{4}$ , $\frac{6}{8}$+ 4+ $\frac{2}{4} , \frac{3}{6} , \frac{4}{8} , \frac{5}{10} , \frac{6}{12} , …$+ Cả 3 bạn chạy như nhau.- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:****-** Mục tiêu: + Biết cách tạo phân số bằng nhau dựa vào các hình ảnh thực tế.+ Tìm và ghi được các phân số dự trên các phân số đã cho.**-** Cách tiến hành: |
| **\* Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.- GV gọi HS nhắc lại thế nào là phân số bằng nhau?- Cho HS quan sát tranh trong sách giáo khoa và nêu số thích hợp vào ô.- GV gọi HS nêu, HS khác nhận xét.- Em hãy nhận xét các phân số vừa tìm được có bằng nhau hay không. - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu.- Các phân số có tử số và mẫu số khác nhau nhưng có giá trị bằng nhau.- HS thực hiện yêu cầu.+ $\frac{1}{3} , \frac{2}{6 } , \frac{3}{9} $, $\frac{4}{12}$- HS nhận xét.- Các phân số vừa tìm được đều bằng nhau.- HS lắng nghe. |
| **3. Thực hành, luyện tập****-** Mục tiêu: + Biết cách tạo phân số bằng nhau dựa vào các hình ảnh thực tế.+ Ghi được các phân số dự trên các hình ảnh đã cho.**-** Cách tiến hành: |
| **\* Hoạt động 2: Làm việc theo nhóm 4**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3a.- GV cho HS quan sát sơ đồ. Và hướng dẫn sử dụng sơ đồ. - GV cho HS chuẩn bị 1 băng giấy.+ Chúng ta có 1 băng giấy, nếu gập đôi lại thì băng giấy được chia thành mấy phần bằng nhau?+ Vậy mỗi phần tương ứng với phân số nào?- Cứ thế nếu ta tiếp tục gấp đôi mảnh giấy 3 lần liên tiếp ta sẽ được sơ đồ trong sách giáo khoa. Dựa vào sơ đồ trên ta dễ dàng tìm được số thích hợp để điền vào chỗ trống.- GV hướng dẫn cách làm, chia nhóm, HS quan sát băng giấy trong sách giáo khoa, thảo luận và làm bài.*Lưu ý: Nên đối chiếu từ dưới lên trên.*- GV gọi đại diện các nhóm trình bày bài làm, nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3b.- GV hướng dẫn cách làm tương tự như câu a, HS quan sát băng giấy trong sách giáo khoa, thảo luận và làm bài.*Lưu ý: Nên đối chiếu từ dưới lên trên.*- GV gọi đại diện các nhóm trình bày bài làm, nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3a- HS quan sát và lắng nghe.- HS thực hiện theo yêu cầu.- 2 phần bằng nhau.- - HS lắng nghe và thực hiện.- HS thảo luận và làm việc theo nhóm 4.- Các nhóm trình bày, nhận xét bài làm của bạn.- HS lắng nghe.- 1 HS đọc yêu cầu bài 3b- HS thảo luận và làm việc theo nhóm 4.- Các nhóm trình bày, nhận xét bài làm của bạn.b.  - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau:Có 2 cái bánh như nhau. Một cái được cắt thành 3 phần và em ăn 1 phần. Cái bánh còn lại em chia thành 6 phần và em ăn 2 phần. Vậy cái bánh nào em ăn nhiều nhất.*Lưu ý: Có thể tạo ra sơ đồ như bài 3 để làm.*- GV cho HS thảo luận theo nhóm tổ.- GV gọi 1 đại diện nhóm nhanh nhất trình bày bài làm, nhóm khác nhận xét.

|  |
| --- |
| 1 |
|  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đọc tình huống của GV nêu.- HS thảo luận và làm việc theo nhóm- Các nhóm trình bày, nhận xét bài làm của bạn.- Cái bánh thứ nhất em ăn được cái bánh và cái bánh thứ 2 em ăn được cái bánh. Vì = nên số phần bánh em ăn bằng nhau.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TUẦN 20**: **CHỦ ĐỀ 3: PHÂN SỐ**

**Bài 58: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ (T99)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nắm được tính chất cơ bản của phân số.

- Vận dụng được các dạng toán đã học về phân số vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được các bài tập trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Nêu cặp phân số bằng nhau dựa vào hình vẽ sau:+ Câu 2: Tìm phân số bằng phân số $\frac{2}{5}$+ Câu 3: Ba bạn Việt, Nam, Hoa mỗi bạn có 3 quả cam. Bạn Việt để nguyên 3 quả cam và ăn hết 2 quả; bạn Nam bổ đôi từng quả cam và ăn hết 4 phần; bạn Hoa chia mỗi quả cam thành 4 phần và ăn hết 8 phần. Vậy số cam các bạn đã ăn có bằng nhau không?+ Câu 4: Tìm các cặp phân số bằng nhau trong các phân số sau: $\frac{2}{3} , \frac{3}{4} , \frac{9}{8} , \frac{9}{12} , \frac{6}{9}$ - GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- HS trả lời:+ $\frac{2}{3}= \frac{4}{6}$+ Phân số bằng $\frac{2}{5}$ là $\frac{4}{10}$ , ...+ Số cam các bạn ăn hết đều bằng nhau.+ $\frac{2}{3}= \frac{6}{9} , $ $\frac{3}{4}= \frac{9}{12}$ - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:***-** Mục tiêu: + Nắm được tính chất cơ bản của phân số.**-** Cách tiến hành: |
| **Hoạt động 1: Xem tranh, tìm ra tính chất của phân số. (Làm việc nhóm 4)**- GV cho HS quan sát 2 băng giấy, thảo luận nhóm 4 so sánh hai băng giấy:**-** GV gọi HS trả lời.**-** GV nhận xét.**-** GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: ta có $\frac{2}{3}= \frac{4}{6}$ , vậy làm thế nào từ phân số $\frac{2}{3}$ có phân số $\frac{4}{6}$ ? Và từ phân số $\frac{4}{6} $có được phân số $\frac{2}{3}$ ?**-** GV gọi đại diện các nhóm trả lời.**-** GV gọi HS nhóm khác nhận xét.**-** GV nhận xét, tuyên dương.+ Nếu ta nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì ta được một phân số như thế nào?+ Nếu ta chia cả tử số và mẫu số của một phân số với một số tự nhiên khác 0 thì ta được một phân số như thế nào?**-** GV nhận xét, chốt kết luận tính chất của phân số.**-** GV nhắc HS lưu ý: trong mỗi phân số, mẫu số là số tự nhiên khác 0.**-** GV lấy ví dụ để củng cố tính chất vừa học.**-** GV nhận xét, đánh giá. | **-** HS làm việc theo nhóm.+ $\frac{2}{3}= \frac{4}{6}$**-** HS trả lời.**-** HS lắng nghe.**-** HS làm việc theo nhóm.+ Từ phân số $\frac{2}{3}$ để có phân số $\frac{4}{6}$ ta lấy cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{2}{3}$ nhân với 2.+ Từ phân số $\frac{4}{6}$ để có phân số $\frac{2}{3}$ ta lấy cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{4}{6}$ chia cho 2.**-** Đại diện các nhóm trả lời.**-** HS nhận xét.**-** HS lắng nghe.**-** HS trả lời.**-** HS lắng nghe, đọc kết luận.**-** HS làm ví dụ.**-** HS lắng nghe. |
| **3. Luyện tập:****-** Mục tiêu: + Thực hành được các bài tập liên quan đến tính chất cơ bản của phân số.**-** Cách tiến hành: |
| **Hoạt động 2:** **Bài 1a: Làm việc nhóm đôi:****-** GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1.**-** GV yêu cầu HS nhẩm lại tính chất cơ bản của phân số, thảo luận nhóm đôi hoàn thành bài 1a.- Gọi đại diện các nhóm trình bày.- GV mời nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét.**Bài 1b: Làm vào vở cá nhân:****-** GV yêu cầu HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số, thực hiện bài 1b vào vở.- GV thu chấm một số bài.- GV nhận xét | **-** HS đọc yêu cầu.**-** HS thực hiện nhiệm vụ.a)$$\frac{3}{5}= \frac{3 × 4 }{5 × 4}= \frac{12}{20}$$$$\frac{2}{7}= \frac{2 × 3 }{7 × 3}= \frac{6}{21}$$**-** Đại diện các nhóm trình bày.**-** HS nhận xét.**-** HS lắng nghe.**-** HS nhắc lại.**-** HS làm bài vào vở.b)$$\frac{9}{12}= \frac{9 : 3 }{12 : 3}= \frac{3}{4}$$$$\frac{18}{24}= \frac{18 : 6 }{24 : 6}= \frac{3}{4}$$**-** HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm:**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau:Hai bạn Việt và Hoa được mẹ cho hai túi kẹo với số lượng kẹo như nhau. Bạn Việt nói rằng bạn đã ăn hết $\frac{3}{4}$ số kẹo. Theo em, bạn Hoa cần phải ăn hết bao nhiêu kẹo để bằng với số kẹo bạn Việt đã ăn?**-** GV cho HS thảo luận với bạn cùng bàn và trả lời câu hỏi.**-** Gọi HS trả lời.**-** Gọi HS khác nhận xét.**-** GV nhận xét.**-** Nhận xét tiết học, dặn dò. | **-** HS đọc tình huống.**-** HS thực hiện.**-** HS trả lời**-** HS nhận xét.**-** HS lắng nghe. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TUẦN 20**: **CHỦ ĐỀ 3: PHÂN SỐ**

**Bài 58: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ (T100)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nắm được tính chất cơ bản của phân số.

- Làm được các bài tập liên quan đến tính chất cơ bản của phân số.

- Vận dụng được các dạng toán đã học về phân số vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được các bài tập trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Phân số thích hợp để điền vào chỗ chấm: $$ \frac{4}{3}= \frac{4 × 7}{3×7}= \frac{…}{…}$$+ Câu 2: Phân số thích hợp để điền vào chỗ chấm:$$\frac{45}{30}= \frac{45 : 5}{30 :5}= \frac{…}{…}$$+ Câu 3: Tìm phân số bằng phân số $\frac{1}{3}$ có mẫu số gấp 3 lần tử số.+ Câu 4: Tìm các phân số bằng phân số: - GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ $\frac{28}{21}$+ $\frac{9}{6}$+ $\frac{2}{6} , \frac{4}{12} , \frac{5}{15}$ , ....+ HS trả lời: ;...- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:***-** Mục tiêu: + Nắm được tính chất cơ bản của phân số.+ Thực hành được các bài tập liên quan đến tính chất cơ bản của phân số.**-** Cách tiến hành: |
| **Hoạt động 1: Làm việc cá nhân vào vở.****-** GV gọi HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số.- GV nhận xét.- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2.- GV gợi ý cách làm:+ Tìm phân số thứ hai sẽ dựa vào tử số và mẫu số của phân số thứ nhất. Tử số và mẫu số của phân số thứ hai đều bằng tử số và mẫu số của phân số thứ nhất nhân với mấy?- GV nhận xét.- GV yêu cầu HS làm tương tự các bài còn lại vào vở.**-** GV thu chấm một số bài, nhận xét bài làm. | - HS nhắc lại tính chất.- HS lắng nghe.- HS đọc yêu cầu.+ HS trả lời: nhân với 2.+ Ta được $\frac{2}{5}= \frac{4}{10}= \frac{8}{20}$- HS lắng nghe.- HS làm bài vào vở.- HS lắng nghe. |
| **3. Luyện tập:****-** Mục tiêu: + Thực hành được các bài tập liên quan đến tính chất cơ bản của phân số.**-** Cách tiến hành: |
| **Hoạt động 2: Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”**- Mời cả lớp tham gia trò chơi theo nhóm 4 để cùng nhau trao đổi và thực hiện các nội dung:+ GV chuẩn bị thẻ từ có ghi phân số dán trên cái rổ. + GV phổ biến luật chơi: HS cần quan sát phân số ghi trên rổ, đối chiếu với các phân số ghi trên các thẻ từ, áp dụng tính chất cơ bản của phân số (để nhận biết cần nhân hay chia) để chọn các cặp phân số tương ứng bằng nhau bỏ vào rổ.- GV mời các nhóm tham gia trò chơi.- GV kiểm tra, đánh giá kết quả trò chơi. Tuyên dương các nhóm. | - Cả lớp tham gia chơi trò chơi theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ.+ Các nhóm nghe luật chơi.- Các nhóm thi đua tham gia trò chơi. Nhóm nào xong trước và đúng kết quả được xếp vị trí nhất, nhì, ba,...- HS lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **Hoạt động 3: Làm việc nhóm 2**- GV gọi HS đọc yêu cầu bài 4.- GV cho HS thảo luận nhóm 2 và trả lời câu hỏi của bài.- GV gợi ý:+ Long đã tô màu mấy phần của hình vuông, Châu đã tô màu vào mấy phần?- GV gọi đại diện các nhóm trả lời.- GV mời các nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu.- HS làm việc nhóm 2.- Đại diện các nhóm trả lời.- Các nhóm nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm:**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV yêu cầu HS nêu phân số chỉ số phần bánh đã lấy đi trong các hình:- GV gọi HS trả lời.- GV gọi HS khác nhận xét.- GV nhận xét.- Nhận xét dặn dò sau tiết học. | - HS quan sát hình vẽ.- HS trả lời.- HS nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |